

Bản án số: 74/2025/HN-ST

Ngày: 30/6/2025

*V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hiếu

Ông Ngô Văn Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lữ Thị Thúy N, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Căn hộ S dự án T N, Phường A, Quận F, thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Lữ Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 09/4/2025.

Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1995 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 5 ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình tố tụng sơ thẩm nguyên đơn chị Lữ Thị Thúy N trình bày:

Chị và anh Võ Văn H có đăng ký kết hôn năm vào ngày 03/5/2024 tại Ủy ban nhân dân xã A trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 09/2024, hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng. Cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Hiện nay, chị và anh H đã sống ly thân. Quá trình chung sống 01 con chung tên Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024. Hiện nay, các con chung đang sống với chị.

Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Lữ Thị Thúy N yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã tổng đạt hợp lệ cho anh Võ Văn H các văn bản tố tụng nhưng anh H vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Võ Văn H.*

**Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri có ý kiến:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 109, 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lữ Thị Thúy N được ly hôn với anh Võ Văn H.

Về con chung: Giao chị Lữ Thị Thúy N được quyền nuôi dưỡng con chung Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lữ Thị Thúy N không yêu cầu anh Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, không xem xét.

Về án phí đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục: Chị Lữ Thị Thúy N vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N, anh H là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lữ Thị Thúy N và anh Võ Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B vào ngày 03 tháng 05 năm 2024 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 09 năm 2024 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành mời anh H để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không đến dự. Điều đó cho thấy anh H không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với

chị N, chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lữ Thị Thúy N.

[3]. Về con chung: Quá trình sống chung, chị Lữ Thị Thúy N và anh Võ Văn H có 01 con chung tên Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024. Khi ly hôn, chị Lữ Thị Thúy N có yêu cầu nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Minh T đang sống chung với chị Lữ Thị Thúy N. Hiện nay, cháu Minh T đang có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến phản đối về việc chị N yêu cầu nuôi con chung Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024 cho chị Lữ Thị Thúy N tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lữ Thị Thúy N về việc không yêu cầu anh Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Chị Lữ Thị Thúy N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về nợ chung: Chị Lữ Thị Thúy N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm chị Lữ Thị Thúy N phải chịu theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 119 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Lữ Thị Thúy N ly hôn với anh Võ Văn H.
2. Về con chung: Giao cháu Võ Long V, sinh ngày 11/9/2024 cho chị Lữ Thị Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lữ Thị Thúy N về việc không yêu cầu anh Võ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Lữ Thị Thúy N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Lữ Thị Thúy N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lữ Thị Thúy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng chị N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007286 ngày 06/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, án phí chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thị Yến Nhi